

TÌM HIỂU VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỌC SINH VÀ ĐỔI MỚI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC

HỒ SỸ ANH*

TÓM TẮT

Kiểm tra, đánh giá (KTĐG) học sinh (HS) là những khâu rất quan trọng trong quá trình dạy học và giáo dục (GD). Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã có nhiều giải pháp nhằm cải tiến việc KTĐG HS. Sự cải tiến này tuy bước đầu đã có chuyển biến tích cực, nhưng kết quả đạt được vẫn còn hạn chế, chưa hướng đến ĐG năng lực HS. Trong bài viết này, chúng tôi đề cập một số vấn đề lí luận và thực tiễn về KTĐG HS của một số nước trên thế giới và Việt Nam, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực HS.

Từ khóa: kiểm tra, đánh giá, năng lực học sinh.

ABSTRACT

Investigating student assessment and innovating testing and assessment in the student competence approach

The act of testing and assessing students is one of the very important stages in the process of teaching-learning and education. The Ministry of Education and Training has proposed many solutions to improve testing and assessment. Although initially this improvement has got some positive changes, the achieved results are still limited because the assessment has not focused on students' competence. In this paper, we present some theoretical issues together with the practice in terms of testing and assessing students in some countries in the world and Vietnam, and suggest some solutions for the innovation of testing and assessment in the students' competence approach.

Keywords: testing, assessment, student competence.

1. Đặt vấn đề

Xây dựng chương trình GDPT sau năm 2015 theo định hướng tiếp cận năng lực HS là một chủ trương lớn của Việt Nam, nhằm thực hiện “đổi mới căn bản và toàn diện GD” theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, trên cơ sở nghiên cứu về lí luận cũng như thực tiễn KTĐG HS của GD thế giới và Việt Nam; từ đó, so sánh KTĐG HS theo

cách truyền thống (hướng nội dung) với KTĐG HS theo hướng tiếp cận năng lực; tìm ra những hạn chế trong KTĐG HS ở GDPT hiện nay, đồng thời đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này. Vấn đề này không chỉ đặt ra đối với mỗi giáo viên (GV), mỗi trường học mà còn với cả hệ thống GDPT.

2. Kiểm tra, đánh giá học sinh trong giáo dục phổ thông trên thế giới

Trên thế giới, từ giữa thập niên 80 của thế kỉ XX đã có một cuộc cách mạng về KTĐG HS với những thay đổi căn bản

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

về triết lí, quan điểm, phương pháp và các hoạt động cụ thể. Những thay đổi trên thể hiện quan điểm mới: coi người học (*learner*) và quá trình học tập (*learning*) là trung tâm của toàn bộ hoạt động GD.

2.1. Nghiên cứu về lí luận

Cùng với sự phát triển của khoa học GD, khoa học về KTĐG cũng được nghiên cứu, phát triển và xuất hiện một số khái niệm mới. Ba đặc trưng quan trọng của xu hướng mới về KTĐG là: ĐG phát triển, ĐG thực tiễn và ĐG sáng tạo. [2]

2.1.1. ĐG phát triển (*Formative Assessment*)

Đây là thuật ngữ được đề cập nhiều trong các công trình nghiên cứu về xu hướng KTĐG mới, dùng với nghĩa ĐG quá trình trước đây để chỉ các hoạt động KTĐG được thực hiện trong quá trình dạy - học, phân biệt với KT GD tại những thời điểm khác nhau như ĐG chất lượng đầu vào (*PreTest*) hoặc ĐG khi kết thúc một quá trình dạy - học, ĐG tổng kết (*Summative Assessment*).

ĐG quá trình là một loạt các quy trình ĐG chính thức và không chính thức được thực hiện bởi nhiều GV trong quá trình học tập, rèn luyện của người học, để thay đổi hoạt động dạy - học nhằm cải thiện thành tích đạt được của họ. Nó liên quan đến thông tin phản hồi về chất lượng học tập, rèn luyện của HS cho cả GV và HS. Một quan tâm của ĐG quá trình là hiệu quả của hoạt động giảng dạy **trong quá trình phát triển năng lực của người học**, chứ không chứng minh HS đạt được một mức thành tích nào đó.

ĐG quá trình có giá trị phản hồi (*Feedback*) rất cao. Bảy nguyên tắc phản hồi tốt của ĐG quá trình, là: (i) Làm rõ những gì có hiệu quả tốt (mục tiêu, tiêu chuẩn hiện tại và dự kiến); (ii) Tạo điều kiện cho phát triển tự ĐG trong học tập; (iii) Cung cấp thông tin chất lượng cao cho HS về học tập và rèn luyện của họ; (iv) Khuyến khích GV và HS đối thoại bình đẳng xung quanh việc học tập; (v) Khuyến khích tích cực thúc đẩy niềm tin và lòng tự trọng của HS; (vi) Cung cấp cơ hội để thu hẹp khoảng cách giữa hiệu quả hiện tại và mong muốn; và (vii) Cung cấp thông tin hình mẫu GD mới để GV sử dụng.

ĐG tổng kết là thực hiện chức năng ĐG để phục vụ công tác quản lí. Mục tiêu của ĐG tổng kết là mức độ thành tích đạt được của HS và thông qua đó, ĐG thành tích của GV, của nhà trường, sau một quá trình dạy - học. ĐG này không quan tâm đến HS đạt được thành tích đó như thế nào, mà chỉ quan tâm đến điểm số của từng HS, hoặc điểm trung bình của HS trong một lớp, một trường, một vùng; trên cơ sở đó so sánh HS này với HS khác, trường này với trường khác, suy rộng ra vùng này với vùng khác.

2.1.2. ĐG thực tiễn (*Authentic Assessment*)

Bao gồm mọi hình thức và phương pháp KTĐG được thực hiện với mục đích KT các năng lực cần có trong cuộc sống hằng ngày và được thực hiện trong bối cảnh thực tế. Cách ĐG này nhấn mạnh mối liên hệ chặt chẽ giữa yêu cầu của ĐG với thực tế cuộc sống. ĐG này khác với ĐG truyền thống, chỉ dựa vào ĐG trên

giấy thông qua bài viết tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan. [2]

2.1.3. ĐG sáng tạo (*Alternative Assessment*)

ĐG sáng tạo hay ĐG thay thế, nó trái ngược với cách ĐG truyền thống, và gần với các khái niệm ĐG thực tiễn, ĐG tích hợp, ĐG toàn diện. ĐG sáng tạo nhấn mạnh sự mới mẻ, đa dạng và sáng tạo của những cách thức KTĐG. Trong mô hình này, HS, GV và có khi cả phụ huynh, chọn một số mảng hoạt động, những thành tích hay điểm KT môn học, kỹ năng viết, nói của HS qua các năm, để chứng minh rằng việc học của họ được cải thiện trong quá trình nhiều năm liên tục. Một số đặc điểm của **ĐG sáng tạo là nhấn mạnh chứng cứ quá trình học tập** như là một minh chứng tích cực của kiến thức và kỹ năng. ĐG sáng tạo khuyến khích sự tham gia của HS trong ĐG thành tích và khả năng đạt được, có sự tương tác của HS này với HS khác, giữa GV với HS và có khi cả cha mẹ và cộng đồng. Ví dụ, ĐG về dự án, ĐG công trình nghiên cứu khoa học của HS có sự tham gia của nhiều người.

2.2. KTĐG áp dụng trong thực tiễn của giáo dục thế giới

Về KTĐG HS, các nước không chỉ đạt được những thành tựu mới về lý luận mà đã thành công trong việc triển khai thực tiễn ở các trường học.

2.2.1. ĐG năng lực và ĐG môn học

Xu hướng ĐG mới của thế giới là ĐG dựa theo năng lực (*Competence base assessment*), tức là “ĐG khả năng tiềm ẩn của HS dựa trên kết quả đầu ra cuối một giai đoạn học tập, là quá trình tìm kiếm

minh chứng về việc HS đã thực hiện thành công các sản phẩm đó”¹. Việc KTĐG kết quả học tập hoàn toàn giao cho GV và HS chủ động, phương pháp ĐG được sử dụng đa dạng, sáng tạo và linh hoạt. ĐG năng lực nhằm giúp GV có thông tin kết quả học tập của HS để điều chỉnh hoạt động giảng dạy; giúp HS điều chỉnh hoạt động học tập; giúp GV và nhà trường xác nhận, xếp hạng kết quả học tập.

Nhiều quốc gia đã đẩy mạnh ĐG quá trình bằng các hình thức, phương pháp ĐG không truyền thống như quan sát, phỏng vấn, hồ sơ, dự án, trình diễn thực, nhiều người cùng tham gia, HS tự ĐG... ĐG kết quả học tập thông qua dự án hoặc nghiên cứu nhóm được chú trọng. Chẳng hạn, ở Hoa Kỳ, để KTĐG mức độ tiếp nhận và cảm thụ văn học của HS về một tác phẩm nào đó, GV yêu cầu HS thành lập nhóm để phân tích nội dung, nghệ thuật của tác phẩm đó và có thể lập dự án tham quan bảo tàng của nhà văn. Qua phân tích của nhóm và qua chuyển tham quan, HS phải viết thu hoạch, trình bày nhóm trước lớp. Với cách này, HS có quyền tự do làm bài theo hiểu biết của mình, trao đổi, tương tác với nhau, tìm hiểu từ thực tế, vận dụng nhiều kiến thức của nhiều môn học khác nhau, hợp tác nghiên cứu có thể đưa ra nhiều nhận định sáng tạo. Đây là hình thức học tập mang tính tích hợp cao, GV và HS cùng tham gia ĐG kết quả của từng nhóm.

2.2.2. ĐG về đạo đức và sự tiến bộ của học sinh

Việc ĐG về đạo đức và rèn luyện

của HS cũng được coi trọng, nhà trường đưa ra tiêu chí rõ ràng và GV nhận xét trên những tiêu chí đó. Điều này không chỉ có tác dụng hỗ trợ giúp đỡ HS tiến bộ mà sự phối hợp giữa GV và gia đình trong việc GD HS tốt hơn. Ví dụ, cách nhận xét, ĐG về HS của một trường ở Canada như sau: Sau mỗi học kì, cha mẹ học sinh đều nhận được một bản nhận xét với 9 nội dung chủ yếu sau: (i) Kỹ năng làm việc độc lập; (ii) Năng lực sáng tạo; (iii) Mức độ hoàn thành các bài tập; (iv) Năng lực sử dụng công nghệ thông tin; (v) Khả năng hợp tác với những người xung quanh; (vi) Khả năng giải quyết những xung đột của cá nhân; (vii) Mức độ tham gia các hoạt động tập thể của lớp; (viii) Khả năng giải quyết vấn đề; và (ix) Khả năng biết đặt mục tiêu để hoàn thiện trong tương lai. Tất cả các mục trên, GV chủ nhiệm đều nhận xét điểm mạnh, điểm tốt của HS đã đạt được trong quá trình học tập, rèn luyện ở trường, và trong từng nội dung, nếu HS có hạn chế, GV có nhận xét đi kèm để HS rút kinh nghiệm.

2.2.3. *Phối hợp giữa phụ huynh và nhà trường trong ĐG HS*

Sự phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh trong việc ĐG HS được các trường coi trọng. Chẳng hạn, một số trường tiểu học ở Hoa Kỳ, cuộc họp phụ huynh đầu năm thực sự có ý nghĩa. Trong cuộc họp này, GV chủ nhiệm giới thiệu rất kỹ chương trình học tập trong năm, mục tiêu cuối năm, cách trao đổi giữa bố mẹ và GV, cách chấm điểm bằng nhận xét O-Outstanding, G-Good, S-Satisfied, N-Need Improvement (xuất sắc, khá, đạt và

cần cố gắng). Từ lớp 3 trở đi, O và G rất hạn chế, vì sợ HS và bố mẹ đua nhau “chạy theo điểm”. Nhà trường khuyến khích HS phải biết tự lập ngay từ nhỏ. Trên tường phòng học là nội quy của lớp, do chính HS viết ra, chúng tự nghĩ ra luật lệ, cách phạt và ký tên ở dưới. Nội quy là Lời thề danh dự của lớp, được treo đến cuối năm học và lời thề mỗi lớp, mỗi khác. [10]

2.2.4. *ĐG HS thông qua các kì thi*

Ngoài ĐG trên lớp, hầu hết các quốc gia đều ĐG HS thông qua các kì thi như: tuyển sinh đầu cấp học, thi tốt nghiệp các cấp và tuyển sinh đại học.

Tuyển sinh đầu cấp: Có hai xu hướng tuyển sinh đầu cấp: (i) Xét tuyển dựa vào kết quả học tập hoặc kết quả thi tốt nghiệp của cấp học trước (ví dụ ở Singapore, xét tuyển vào trường trung học cơ sở (THCS) dựa vào điểm thi tốt nghiệp PSLE, xét tuyển vào trường THPT dựa vào kết quả học tập năm cuối THCS); và (ii) Thi tuyển vào lớp đầu cấp kết hợp với kết quả học tập cấp học dưới (Hàn Quốc).

Thi tốt nghiệp các cấp học: Phần lớn các quốc gia đều không tổ chức thi tốt nghiệp ở bậc GD bắt buộc như Anh, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, NewZealand, Australia... Rất ít quốc gia vẫn duy trì kì thi tốt nghiệp tiểu học. Hầu hết các quốc gia đều tổ chức kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia, ngoại trừ Hàn Quốc. Xu hướng chung là đa dạng hóa các hình thức ĐG và các loại bằng cấp khác nhau để thực hiện phân hóa theo năng lực HS.

Tuyển sinh đại học: Hầu hết các quốc gia đều sử dụng một số tiêu chí

tuyển sinh như điểm 3 kì thi (thi tốt nghiệp THPT, thi tuyển sinh và thi chuẩn hóa năng lực), kết quả học tập ở cấp THPT, hồ sơ dự tuyển (bài tự luận theo chủ đề, thư giới thiệu...) và yếu tố nhân thân như dân tộc, vùng khó khăn...

2.2.5. *Đánh giá quốc gia và quốc tế*

Đánh giá quốc gia: Các quốc gia đều tăng cường ĐG cấp quốc gia ở GD bắt buộc (như SAT1 ở Singapore, SAT² và SCAT³ ở Hàn Quốc, SAT, AIMS ở Hoa Kỳ...) và chủ yếu vào các năng lực cơ bản là đọc, viết, làm toán...

Đánh giá quốc tế: Các nước tạo ra một số công cụ KTĐG rất hữu hiệu như: Nghiên cứu về xu thế trong Toán học và Khoa học quốc tế (*Trends in International Mathematics and Sciences - TIMSS*), nghiên cứu về sự tiến bộ về năng lực đọc hiểu quốc tế (*Program in International Reading Literacy Study -*

PIRLS), cuộc thi và ĐG quốc tế đối với trường học (*International Competitions and Assessments for Schools - ICAS*), chương trình ĐG HS quốc tế (*Program for International Student Assessment - PISA*), chương trình chuẩn so sánh điện tử trong giáo dục (*Electronic Benchmarking in Education -EBIE*) ở Australia, đã triển khai ĐG các trường phổ thông quốc tế...

ICAS được triển khai bởi UNSW Global Pty Limited. UNSW Global là một tổ chức phi lợi nhuận, cung cấp dịch vụ GD, đào tạo và tư vấn thuộc Trường Đại học New South Wales (Australia). ICAS được sử dụng trên 60 quốc gia, cung cấp các bài KTĐG hàng năm về các môn Toán, Khoa học, Tiếng Anh, viết và kĩ năng máy tính, cung cấp thông tin chi tiết về mỗi HS, lớp và trường tham gia. Ví dụ: (Xem bảng 1)

Bảng 1. So sánh kết quả các môn Toán của Jenny Black với trường và Bang [15]

| Phân môn Toán học | Cao nhất | TB Bang | TB Trường | TB tất cả HS | Điểm của Jenny Black |
|--|----------|---------|-----------|--------------|----------------------|
| Tổng điểm số (Total Score) | 40 | 23,8 | 24,9 | 24,9 | 28 |
| Số và Số học (Number & Arithmetic) | 9 | 6,2 | 6,8 | 6,8 | 7 |
| Đại số & Mô hình (Algebra & Patterns) | 10 | 5 | 5,1 | 5,1 | 6 |
| Đo lường & Đơn vị (Measures & Units) | 9 | 6,2 | 6,7 | 6,7 | 8 |
| Hình học không gian (Space & Geometry) | 7 | 3,6 | 3,5 | 3,5 | 3 |
| Xác suất & Dữ liệu (Chance & Data) | 5 | 2,8 | 2,7 | 2,7 | 4 |

PISA là một hệ thống ĐG quốc tế tập trung vào khả năng đọc, kĩ năng toán và khoa học của HS ở lứa tuổi 15. PISA được thực hiện bởi Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD), thực hiện ĐG 3 năm một lần. Mỗi đợt bao gồm các ĐG

của cả 3 phần, nhưng chỉ có một phần được ĐG sâu. Trong chương trình ĐG này, đề thi chú trọng đến các tình huống phát sinh trong thực tiễn, liên quan đến kiến thức ở phổ thông đã học. PISA giúp cho các quốc gia tham gia có cơ hội nhìn

nhận một cách khá toàn diện về những “**kĩ năng cơ bản**”, “**năng lực cá nhân**” mà HS quốc gia họ đạt được, để từ đó đưa ra chính sách mới nhằm phát triển GD một cách bền vững. Việt Nam tham gia ĐG PISA năm 2012.

Tóm lại, trong hơn 3 thập kỉ qua, KTĐG đối với GDPT quốc tế đã có những bước tiến rất lớn cả về lí luận và thực tiễn. Thể hiện rõ xu hướng KTĐG của thế giới là hướng đến ĐG năng lực HS, phương pháp, cách thức ĐG rất đa dạng, sáng tạo và linh hoạt.

3. Kiểm tra, đánh giá học sinh trong giáo dục phổ thông ở Việt Nam

Trong những năm vừa qua, khoa học về KTĐG của Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, nhưng nhìn chung vẫn còn chậm và chưa bắt kịp với thế giới.

3.1. Một số khái niệm

Kiểm tra: Trong Đại từ điển tiếng Việt của Nguyễn Như Ý giải thích KT là xem xét thực chất, thực tế. Theo Bửu Kế, KT là tra xét, xem xét, là soát xét lại công việc; KT là xem xét tình hình thực tế để ĐG và nhận xét; KT là cung cấp những dữ kiện, thông tin làm cơ sở cho việc ĐG. Một số nhà khoa học GD cho rằng: KT với nghĩa là nhằm thu thập số liệu, chứng cứ, xem xét, soát xét lại công việc thực tế để ĐG và nhận xét.

Đánh giá: Là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả công việc dựa vào sự phân tích những thông tin thu được, đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đề ra, nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh nâng cao chất

lượng và hiệu quả công việc. Theo Đại từ điển tiếng Việt của Nguyễn Như Ý, ĐG là nhận xét, bình phẩm về giá trị.

ĐG trong GD, theo Dương Thiệu Tông, là quá trình thu thập và xử lí kịp thời, có hệ thống thông tin về hiện trạng và hiệu quả GD, căn cứ vào mục tiêu dạy học, làm cơ sở cho những chủ trương, biện pháp và hành động trong GD tiếp theo. Có thể nói rằng, ĐG là quá trình thu thập, phân tích và giải thích thông tin một cách hệ thống nhằm xác định mức độ đạt đến của các mục tiêu GD. ĐG có thể thực hiện bằng phương pháp định lượng hay định tính. [13]

Quy định của Luật GD, Khoản 1, Điều 6 Luật GD năm 2005 nêu rõ: “Chương trình GD thể hiện mục tiêu GD; quy định chuẩn kiến thức, kĩ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung GD, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động GD, *cách thức ĐG kết quả GD đối với các môn học ở mỗi lớp, mỗi cấp học hoặc trình độ đào tạo.*”

3.2. Triển khai trong thực tiễn

Thực hiện Luật GD, quá trình xây dựng khung chương trình và chương trình phổ thông, Bộ GD&ĐT đã chú trọng đến KTĐG, ban hành nhiều văn bản về ĐG, xếp loại HS, và khẳng định KTĐG là một khâu rất quan trọng trong quá trình dạy và học.

3.2.1. Chỉ đạo về kiểm tra, đánh giá

Công tác chỉ đạo KTĐG của Bộ GD&ĐT thông qua hệ thống văn bản sau:

Cấp tiểu học: Quyết định số 30/2005/QĐ Bộ GD&ĐT ngày 30-09-2005 ban hành Quy định ĐG xếp loại học lực, hạnh kiểm HS tiểu học; Thông tư số

32/2009/TT-BGDĐT (Thông tư 32) ngày 27-10-2009 ban hành Quy định ĐG, xếp loại HS tiểu học.

Thông tư 32: Khẳng định việc đổi mới ĐG khá hoàn thiện, thể hiện triết lí, quan điểm rất riêng về cấp học này. Nguyên tắc ĐG xếp loại được nêu trong Thông tư là công khai, công bằng, khách quan, chính xác và toàn diện. Việc ĐG với HS tiểu học chủ yếu là động viên, khuyến khích cho sự tiến bộ của các em, không gây áp lực cho cả GV và HS. Sự kết hợp ĐG định lượng (điểm số) và ĐG định tính (nhận xét), kết hợp ĐG của GV với tự ĐG của HS, kết hợp ĐG thường xuyên với ĐG định kì nhằm mang lại kết quả ĐG đầy đủ, toàn diện, thể hiện tính nhân văn của GD tiểu học. Điểm mới của Thông tư 32 là coi trọng ĐG cuối năm học, vì đặc điểm kiến thức và kĩ năng ở tiểu học cấu trúc theo đường thẳng nên bài KT cuối năm là điều kiện cần và đủ để ĐG khả năng nắm vững kiến thức, kĩ năng của HS ở mỗi lớp.

Cấp THCS, THPT: Quyết định 40/2006/QĐ-BGD&ĐT (Quyết định 40) ngày 05-10-2006 ban hành Quy chế ĐG, xếp loại HS THCS, THPT; Thông tư số 51/2008/TT-BGD&ĐT ngày 15-9-2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định 40; Thông tư số 58/2011/TT-BGD&ĐT (Thông tư 58) ngày 12-12-2011 ban hành Quy định ĐG và xếp loại HS THCS, THPT; Công văn số 8773/BGDĐT-GDTrH ngày 30-12-2010 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn soạn đề KT và một số quyết định, thông tư liên quan đến tuyển sinh THCS, THPT, thi tốt nghiệp THPT...

Quyết định 40: Theo quyết định này, ĐG, xếp loại HS có 2 lĩnh vực: (i) ĐG hạnh kiểm của HS phải căn cứ vào biểu hiện cụ thể về thái độ và hành vi đạo đức; ứng xử trong mối quan hệ với thầy giáo, cô giáo, với bạn bè và quan hệ xã hội; ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập; kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và hoạt động xã hội; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường; và (ii) ĐG, xếp loại học lực: Căn cứ ĐG học lực của HS là hoàn thành chương trình các môn học trong Kế hoạch GD của cấp THCS, THPT, kết quả đạt được ở các bài KT. Học lực được xếp thành 5 loại: Giỏi, Khá, Trung bình, Yếu và Kém. Hình thức KT, bao gồm KT thường xuyên (miệng, 15 phút), KT định kì (1 tiết, học kì). Việc ĐG học tập được thực hiện bằng cách KT và cho điểm các bài KT, tính điểm trung bình môn học, điểm trung bình các môn học cuối học kì và cuối năm học.

Thông tư 58: Kế thừa Quyết định 40 và Thông tư 51, theo đó, các môn Thể dục, Âm nhạc, Mĩ thuật thực hiện nhận xét với 2 bậc: Đạt và Chưa đạt, đồng thời xóa bỏ hệ số khi tính điểm trung bình các môn cuối học kì, cuối năm. Quan điểm của Bộ GD&ĐT cho rằng vai trò các môn học ảnh hưởng đến sự trưởng thành của HS sau này là như nhau, do đó không phân biệt môn chính, môn phụ. Một số môn học quan trọng như Toán, Văn, Ngoại ngữ thì HS được học với thời lượng nhiều hơn và thường xuyên là môn thi tốt nghiệp THPT.

Công văn số 8773/BGDĐT-GDTrH của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn soạn

đề KT, một số yêu cầu được đặt ra như: KT, ĐG dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng chương trình THCS, THPT đã được Bộ ban hành; tăng cường câu hỏi mức độ thông hiểu, sáng tạo; ra đề bằng ma trận kiến thức, kỹ năng; khuyến khích ĐG bằng nhiều phương pháp và một số kỹ thuật mới như kỹ thuật Rubric, ĐG môn Giáo dục công dân vừa cho điểm vừa nhận xét... Gần đây, đã xuất hiện một xu hướng ra các đề KT “mở” để tạo cơ hội cho HS thể hiện những suy nghĩ, những ý tưởng sáng tạo của mình. Điển hình là đề văn nghị luận “*Nêu quan điểm của anh (chị) về vai trò của đồng tiền trong cuộc sống*” của cô giáo Đặng Nguyệt Anh, qua bài làm của cậu học trò Nguyễn Trung Hiếu, lớp 11 chuyên Lí Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam lại tràn ngập yêu thương và tình người. Với những nỗ lực, cố gắng của mình trong học tập, trong cuộc sống và với bài văn này, Nguyễn Trung Hiếu đã được bình chọn là 1 trong 10 gương mặt tiêu biểu của tuổi trẻ Thủ đô năm 2011, đồng thời nhận được học bổng 3 năm THPT của Trường Besant Hill (California, Mỹ). Rõ ràng KTĐG ở đây thực sự là một cơ hội cho HS.

3.2.2. Các kì thi, ĐG quốc gia

Trong hệ thống GD Việt Nam, ngoài KTĐG ở cấp trường còn có các kì thi ở cấp tỉnh và cấp quốc gia như: Thi HS giỏi cấp tỉnh và cấp quốc gia, thi tuyển sinh THPT, thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ). Kết quả các kì thi trên đã phản ánh khá chính xác chất lượng GD của một trường, một địa phương. Một số cải tiến quan

trọng như bỏ thi tốt nghiệp tiểu học (2004), bỏ thi tốt nghiệp THCS (2006) và cải tiến thi tốt nghiệp THPT (giao cho Sở GD&ĐT chọn một trong 3 hình thức: xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp thi tuyển với xét tuyển), thi tuyển sinh ĐH đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, một trong những hạn chế đối với thi cử ở Việt Nam là hiện tượng “tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong GD”. Ngành GD đã có nhiều giải pháp để ngăn chặn hiện tượng này, song kết quả chưa được như kì vọng.

ĐG quốc gia: Ngoài các kì thi, ngành GD&ĐT cũng đã tiến hành những kì ĐG quốc gia. Từ năm 1998 đến 2000, Viện Khoa học GD Việt Nam (NIES) đã thực hiện một nghiên cứu về kết quả học tập của HS lớp 3, lớp 5 của 14 trường phổ thông cơ sở (phổ thông cấp 1-2) thuộc 5 tỉnh, thành phố. Từ đó đến nay, Bộ GD&ĐT đã tiến hành nhiều nghiên cứu về chất lượng GD, hiệu quả GD và các yếu tố tác động đến kết quả học tập ở cấp tiểu học và THCS, nhằm đề xuất các chính sách GD ở cấp quốc gia và tỉnh.

ĐG quốc tế: Bộ GD&ĐT đã có văn bản đề nghị OECD chấp nhận Việt Nam tham gia PISA 2012 và OECD đã chính thức chấp nhận điều này.

Tóm lại, cùng với đổi mới chương trình, sách giáo khoa, phương pháp giảng dạy, việc đổi mới KTĐG được khẳng định là một khâu quan trọng trong quá trình dạy - học. Nhiều cải tiến theo xu hướng khoa học KTĐG của thế giới đã được triển khai và mang lại kết quả bước đầu. Song, theo nhận định của các nhà khoa học GD: “Đánh giá kết quả GD vẫn

là một lĩnh vực còn nhiều yếu kém, lạc hậu với xu thế chung của thế giới từ nhận thức cho đến quy trình, kĩ thuật, phương pháp.” [8].

4. Một số vấn đề tồn tại trong kiểm tra, đánh giá học sinh của giáo dục Việt Nam

Mặc dù đã có những cải tiến, nhưng công tác KTĐG vẫn bộc lộ nhiều yếu kém về phương pháp, cách thức cũng như quản lí, chỉ đạo.

4.1. Phương pháp KTĐG HS nghèo nàn, thiếu tính thực tiễn và sáng tạo

Thực tế ở các trường học nước ta cho thấy, phương pháp KTĐG HS chủ yếu là làm bài KT trên giấy, với 2 hình thức trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan. Cả 2 hình thức này chủ yếu là chứng minh HS nắm vững kiến thức để giải một số bài tập hoặc giải thích một số hiện tượng liên quan đến những kiến thức đã học. Năng lực mà HS được ĐG với phương pháp này chủ yếu là năng lực trình bày, diễn đạt, lập luận, kĩ năng giải bài tập... Một số năng lực như trình bày một vấn đề trước đám đông, xử lí tình huống, làm việc hợp tác, độc lập sáng tạo... rất cần trong cuộc sống nhưng khó xác định được với cách KTĐG như trên. Các phương pháp như HS tự ĐG, ĐG theo dự án, phỏng vấn, giải toán tập thể, lập trình tập thể... chỉ áp dụng ở một vài kì thi. ĐG năng lực người học vẫn còn là một khâu yếu của GD Việt Nam: “Từ mấy chục năm nay, quan niệm, hiểu biết, cách làm ĐG của cán bộ quản lí GD cũng như của các GV ít thay đổi, còn thiên về kinh nghiệm” [8].

4.2. KTĐG HS còn chú trọng mục tiêu

dạy chữ

Việc KTĐG hiện nay ở các nhà trường phổ thông dựa vào mục tiêu, mà mục tiêu chủ yếu là kết quả các kì thi như thi tốt nghiệp, tuyển sinh, HS giỏi. Việc đo lường năng lực HS chủ yếu dựa vào điểm số các bài thi, trong khi những tiêu chí rất quan trọng như sức khỏe, kĩ năng sống, lí tưởng của HS lại bị bỏ qua. Vì quan niệm như trên, nên mọi hoạt động của nhà trường đặt trọng tâm vào các kì thi, những hoạt động khác nhằm rèn luyện đạo đức, nâng cao sức khỏe, nâng cao kĩ năng sống bị xem nhẹ. Việc ĐG chú trọng vào kiến thức đã dẫn đến nhiều hệ lụy như: dạy thêm học thêm tràn lan, HS chỉ chú trọng học một số môn để thi, coi thường các môn xã hội. KTĐG hiện nay chưa chú trọng đến kĩ năng, thái độ, chưa hướng đến mục tiêu làm người.

4.3. KTĐG HS mang tính áp đặt, không linh hoạt, giảm khả năng sáng tạo của HS

Với cách thức KT này, HS thường bị áp đặt. HS không được lựa chọn và chủ động trong bài KT, trả lời phải đúng đáp án mới đạt điểm, khác đáp án (có khi là sáng tạo) vẫn không đạt điểm. Những hình thức KT mang tính độc lập, sáng tạo cao của HS như: tìm hiểu thực tế rồi làm báo cáo, thuyết trình tác phẩm văn học theo nhóm... hiện nay rất ít thực hiện, vì quy chế của Bộ chưa cho phép và GV chưa thực sự am hiểu phương pháp này.

4.4. Giáo viên và học sinh chưa thực sự chủ động trong KTĐG

KTĐG ở Việt Nam chủ yếu theo sự chỉ đạo của cơ quan quản lí cấp trên. Bộ chỉ đạo Sở, Sở chỉ đạo trường và phải

tuân thủ các quy định. Gần đây, nhiều địa phương tổ chức KT định kì theo đề chung của Phòng, của Sở. Điều này dẫn đến việc GV các trường không được ra đề thi định kì (giảm năng lực ra đề thi). Mặt khác, do nội dung đề thi phải chú ý đến các trường vùng sâu, vùng khó khăn nên đối với các trường chất lượng cao lại không phù hợp.

5. So sánh kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng tiếp cận nội dung và hướng tiếp cận năng lực

Theo Vũ Đình Chuẩn, chương trình GDPT hiện hành quan tâm chủ yếu tới việc HS sẽ học được những gì. Việc xây

dựng chương trình như vậy được gọi là theo hướng tiếp cận nội dung. Chương trình mới sẽ được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực HS, tức là xuất phát từ các năng lực mà mỗi HS cần có trong cuộc sống và kết quả cuối cùng phải đạt các năng lực ấy. Theo đó, nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp KTĐG đều phải hướng tới năng lực HS. [6]

Nghiên cứu về lí luận cũng như thực tiễn triển khai KTĐG của thế giới và Việt Nam, chúng tôi đưa ra một số điểm so sánh giữa 2 cách thức KTĐG nêu trên như ở bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Một số điểm so sánh giữa 2 cách thức KTĐG

| STT | KTĐG theo hướng tiếp cận nội dung | KTĐG theo hướng tiếp cận năng lực |
|-----|--|--|
| 1 | Các bài thi trên giấy được thực hiện vào cuối một chủ đề, một chương, một học kì | Nhiều bài KT đa dạng trong suốt quá trình học tập |
| 2 | Việc lựa chọn câu hỏi và tiêu chí ĐG không được nêu trước (có tính chất đánh đố, yêu cầu HS nỗ lực tối đa để vượt qua kì KT, kì thi) | Lựa chọn câu hỏi và tiêu chí ĐG được nêu rõ từ trước (công khai, rõ ràng, đòi hỏi HS phải hiểu sâu vấn đề, sáng tạo, biết vận dụng) |
| 3 | Nhấn mạnh sự cạnh tranh | Nhấn mạnh sự hợp tác |
| 4 | Quan tâm đến mục tiêu cuối cùng của việc giảng dạy | Quan tâm đến phương pháp học tập, phương pháp rèn luyện của HS |
| 5 | Chú trọng vào sản phẩm | Chú trọng vào quá trình tạo ra sản phẩm, chú ý đến ý tưởng sáng tạo, đến các chi tiết của sản phẩm để khen, chê |
| 6 | Tập trung vào kiến thức hàn lâm | Tập trung vào năng lực thực tế và sáng tạo |
| 7 | Đánh giá do các cấp quản lí và do GV còn tự ĐG của HS rất ít | GV và HS chủ động trong KTĐG, khuyến khích tự ĐG của HS |
| 8 | Đánh giá đạo đức HS chú trọng đến việc chấp hành nội quy nhà trường, tham gia phong trào thi đua... hạn chế sự thể hiện cá tính của HS | Đánh giá đạo đức của HS một cách toàn diện, chú trọng đến năng lực cá nhân, khuyến khích HS thể hiện cá tính và năng lực bản thân |
| 9 | KTĐG HS chủ yếu do GV bộ môn và GV chủ nhiệm | Nhiều người tham gia KTĐG, không chỉ GV bộ môn, GV chủ nhiệm, GV tư vấn mà ngay cả phụ huynh và cộng đồng, đặc biệt là tự ĐG lẫn nhau của HS |

| | | |
|----|---|--|
| 10 | Đánh giá chú trọng đến kiến thức, trong khi kĩ năng và thái độ bị xem nhẹ | Đánh giá toàn diện, các tiêu chí đặt ra liên quan đến kiến thức, kĩ năng và thái độ. KTĐG phải gắn với mục tiêu đã công bố từ trước, tránh tình trạng “mục tiêu một đường KT một nẻo”. |
|----|---|--|

6. Một số giải pháp đề xuất nhằm đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh theo hướng tiếp cận năng lực

Theo chúng tôi, để nâng cao hiệu quả và đổi mới KTĐG HS theo hướng tiếp cận năng lực HS cần vận dụng những giải pháp sau:

- Cần có những nghiên cứu sâu về lí luận và thực tiễn KTĐG, nghiên cứu và vận dụng một cách sáng tạo các thành tựu KTĐG mới nhất của thế giới vào Việt Nam. Hiện nay, Bộ GD&ĐT phối hợp với doanh nghiệp công nghệ thông tin xây dựng các hệ thống tổ chức 2 cuộc thi trên phạm vi toàn quốc, đó là: thi giải Toán qua mạng (Violympic) và thi tiếng Anh qua mạng (IOE). Đây là kinh nghiệm tốt để tiến tới xây dựng các công cụ ĐG quốc gia như SCAT, SAT... Các trường sư phạm cần đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy về KTĐG cho sinh viên.

- Việc đổi mới cách KTĐG HS phổ thông hiện nay là một việc làm có tính cấp bách. Bộ GD&ĐT cần phải nghiên cứu, triển khai thí điểm, sau đó, áp dụng cho cả nước, tránh tình trạng ban hành quy chế rồi thay đổi, điều chỉnh. Đồng thời, phổ biến cách ĐG, xếp loại HS cho phụ huynh để có sự phối hợp tốt trong việc GD HS.

- Việc ĐG, xếp loại đạo đức của HS không nên quá cứng nhắc. Trong ĐG hạnh kiểm, cần xem xét đến học lực, nhưng quan trọng là ý thức, động cơ, thái

độ học tập chứ không phải xếp loại học lực. Ngành GD cần xây dựng tiêu chuẩn về đạo đức một cách cụ thể, chú trọng đến phát triển năng lực cá nhân và tôn trọng nhân cách của HS; quy định lời nhận xét của GV chủ nhiệm đối với HS phải đầy đủ, toàn diện chứ không chỉ là những cụm từ chung chung như “Có cố gắng”, “Chăm ngoan, học giỏi”... Đánh giá mức độ tiến bộ về nhân cách của HS gắn liền với việc xây dựng tiêu chí và phương pháp ĐG phù hợp với từng cấp học, từng độ tuổi; như vậy, cần xác định chuẩn của người Việt Nam ở thế kỉ XXI.

- Trong KTĐG ở nhà trường, cần sử dụng nhiều phương pháp ĐG khác nhau (thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, quan sát, làm thí nghiệm, trình bày dự án...). Đặc biệt là chuyển từ ĐG chú trọng đến kiến thức HS nắm được sang ĐG quá trình, cách thức HS nắm được kiến thức đó như thế nào, chú trọng đến kĩ năng cơ bản, năng lực cá nhân. KTĐG cần quan tâm đến 4 yếu tố: (i) Phát triển toàn diện HS: KTĐG phải thể hiện ở các mặt đức, trí, thể, mỹ, tình cảm và xã hội; (ii) Cá biệt hóa GD: KTĐG chú trọng đến sự phân hóa HS, đến việc phát hiện năng lực của từng cá nhân; (iii) Dân chủ hóa GD: KTĐG phải đảm bảo công khai, công bằng, dựa vào mục tiêu đặt ra từ đầu, tôn trọng sự tự ĐG của HS; và (iv) Ứng dụng hóa GD: KTĐG nhằm hướng đến năng lực thực tiễn của HS, đề KT không chú trọng đến kiến thức lí thuyết, hàn lâm mà

chú trọng đến việc vận dụng các kiến thức đã học vào đời sống, những kiến thức hữu ích cho cuộc sống và việc học tập của các em.

- Nhà trường chịu trách nhiệm chính trong công tác KTĐG nhưng không phải là Ban giám hiệu mà chính là GV và HS. Do xác định GV có trách nhiệm cao trong công tác KTĐG, nên cần thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ lí luận và phương pháp KTĐG cho đội ngũ GV và cán bộ quản lí GD.

7. Kết luận

KTĐG HS là những khâu rất quan trọng trong quá trình dạy và học. Khoa học về KTĐG của thế giới đã có bước phát triển mạnh mẽ cả về lí luận lẫn thực tiễn, trong khi ở Việt Nam, ngành GD chỉ mới quan tâm đến vấn đề này trong

những năm gần đây. KTĐG không chỉ là công cụ cho quản lí chất lượng GD của các cấp quản lí và của GV mà còn là quyền lợi, niềm vui và cơ hội cho người học.

Đổi mới KTĐG theo hướng tiếp cận năng lực HS là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng GD nói chung và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT sau năm 2015 nói riêng. Một số tiêu chí so sánh giữa KTĐG theo hướng tiếp cận nội dung và tiếp cận năng lực HS được nêu ở trên tuy chưa đầy đủ, nhưng có thể góp phần giúp GV và cán bộ quản lí trường học cải tiến khâu KTĐG, tạo tác động tích cực cho việc dạy và học, đồng thời thúc đẩy việc đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học.

¹ Wofit, A.(2001), Competence base assessment. In J.Raven & J.Stephenson (Eds), Competence in the learning cosiaty. New York Peter Lang.

² Scholastic Assessment Test (SAT).

³ Scholastic and College Ability Test (SCAT).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Sỹ Anh (2011), “Đề xuất giải pháp đánh giá chất lượng học sinh phổ thông Việt Nam”, Kí yếu *Hội thảo khoa học Giáo dục* của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tập 1, Hải Phòng.
2. Vũ Thị Phương Anh (2006), “Kiểm tra đánh giá để phục vụ học tập: Xu hướng mới của thế giới và bài học cho Việt Nam”, Kí yếu *Hội thảo khoa học “Kiểm tra đánh giá để phát huy tính tích cực của học sinh bậc trung học”*, TPHCM.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Sổ tay PISA*, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009, 2011), *Thông tư số 32/2009/TT-BGDĐT ngày 27-10-2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học; Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12-12-2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định đánh giá và xếp loại học sinh THCS, THPT; Quyết định số 40/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5-10-2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT.*
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Công văn số 8773/BGDĐT-GDTrH ngày 30-12-2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn soạn đề kiểm tra.*

6. Trịnh Vĩnh Hà (2011), “Những người soạn thảo đề án nói gì?”, *Báo Tuổi trẻ*, ngày 9-6-2011.
7. Lê Văn Hồng (2011), “Mức độ nghiên cứu công nghệ giáo dục theo quan điểm Thầy thiết kế - Trò thi công”, *Ki yếu Hội thảo khoa học giáo dục Việt Nam*, Hải Phòng.
8. Trần Kiều (2012), “Một số nhận xét về quá trình phát triển chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam từ năm 1945 đến nay”, *Ki yếu Hội thảo “Tổng kết nghiên cứu giáo dục phổ thông của Việt Nam và một số nước trên thế giới, đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo về đổi mới giáo dục phổ thông sau năm 2015 của Việt Nam”*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
9. Đào Thái Lai (2012), “Tổng quan kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông”, *Ki yếu Hội thảo “Tổng kết nghiên cứu giáo dục phổ thông của Việt Nam và một số nước trên thế giới, đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo về đổi mới giáo dục phổ thông sau năm 2015 của Việt Nam”*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
10. Hoa Lư (2008), “Họp phụ huynh bên xứ Mỹ”, <http://www.nghean.edu.vn>
11. Nguyễn Thị Lan Phương, Đặng Xuân Cương (2011), “Đánh giá kết quả giáo dục ở trường phổ thông – Thực trạng và những vấn đề đặt ra”, *Ki yếu Hội thảo khoa học giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, tập 2, Hải Phòng.
12. Quốc hội Việt Nam (2005), *Luật Giáo dục 2005* (sửa đổi, bổ sung).
13. Dương Thiệu Tông (1995), *Trắc nghiệm và đo lường thực hành thành quả học tập* (phương pháp thực hành), Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Nguyễn Như Ý (2011), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, TPHCM.
15. <http://www.eaa.unsw.edu.au>

Người phản biện khoa học: TS. Ngô Đình Qua

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-3-2013; ngày phản biện đánh giá: 15-5-2013;

ngày chấp nhận đăng: 17-9-2013)